TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2020
V/v Ly hôn, con chung
giữa anh M, chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 21-8-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Văn M, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 8A, xã Hải K, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Phúc T, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 8A, xã Hải K, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Anh M có mặt; chị T xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vũ Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị Phúc T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Hải K, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24-6-2016. Chị T và anh M kết hôn với nhau trong hoàn cảnh, anh M đã có vợ nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh M đến khi chị T sinh cháu Vũ Khánh H. Sau khi sinh con, chị T đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình sinh sống. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T không muốn về chung sống

với anh M tại nhà bố mẹ đẻ của anh M ở xã Hải K. Mặt khác tính tình giữa anh M và chị T có nhiều khác biệt nên trong cuộc sống giữa hai người thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Sau lần mâu thuẫn cuối cùng tại nhà bố mẹ đẻ của anh M là ngày 28-5-2020, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh M làm đơn xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh M và chị T có 02 con chung là cháu Vũ Khánh H, sinh ngày 17-01-2017 và cháu Vũ Anh I, sinh ngày 12-01-2018, hiện đang do chị T nuôi dưỡng nên khi ly hôn nguyện vọng của anh M xin được nuôi dưỡng một trong hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Vũ Văn M trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15-7-2020 và trong quá trình hòa giải, bị đơn chị Nguyễn Thị Phúc T có lời khai phù hợp với lời khai của anh M về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống của vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh M không có lập trường hay để gia đình can thiệp nhiều trong cuộc sống vợ chồng. Ngày 28-5-2020 khi chị và các con về nhà bố mẹ đẻ anh M chơi, chị đã bị anh M và bố mẹ anh M đã đuổi chị ra khỏi. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng đến nay anh M xin ly hôn, chị không muốn ly hôn vì con chung còn nhỏ, chị mong anh M suy nghĩ lại.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh M trình bày. Nếu ly hôn, chị đề nghị xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung. Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên chị cũng không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phúc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị Phúc T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải K, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 24-6-2016. Do trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ ngày 28-5-2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay anh M đề nghị xin được ly hôn, chị T không đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn M thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng, do tính tình của anh M và chị T không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau, đến nay anh M và chị T đã có thời gian sống ly thân lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị Phúc T có 02 con chung là cháu Vũ Khánh H, sinh ngày 17-01-2017 và cháu Vũ Anh I, sinh ngày 12-01-2018, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của anh M xin được nuôi dưỡng một con chung; chị T xin được nuôi cả hai con chung, cả hai người đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh M và chị T thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có ý kiến xin được nuôi cả 02 con chung vì chị có điều kiện về thời gian cũng như thu nhập hơn anh M. Mặc dù chị T đã được Tòa án yêu cầu chị giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi dưỡng con chung nhưng chị T không giao nộp chứng cứ chứng minh nghề nghiệp, công việc và thu thập thực tế của mình. Anh M xuất trình chứng cứ, chứng minh mức thu nhập ổn định 12.000.000đ/01 tháng. Do cháu H đã trên 36 tháng tuổi, cháu I chưa đủ 36 tháng tuổi nên để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của 02 con chung cần giao cháu Vũ Khánh H cho anh M và giao cháu Vũ Anh I cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Do hai bên không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Các bên đương sự được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc chị T thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ của vợ chồng: Anh M và chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Vũ Văn M phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị Phúc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Khánh H, sinh ngày 17-01-2017 cho anh Vũ Văn M; cháu Vũ Anh I cho chị Nguyễn Thị Phúc T nuôi dưỡng đến khi các con chung đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi

mình. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Nghĩa vụ bàn giao: Chị Nguyễn Thị Phúc T có trách nhiệm giao cháu Vũ Khánh H, sinh ngày 17-01-2017 cho anh Vũ Văn M trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Vũ Văn M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002229 ngày 15-7-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; anh M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải K: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái